TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV
Số: 5145/QĐ-NĐCP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Ninh, ngày 16 tháng 11 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt Hồ sơ mời chào giá Đơn hàng
Cung cấp các loại van phục vụ sửa chữa
Số hiệu đơn hàng: 89/ĐH-NĐCP

GIÁM ĐỐC
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ-TKV

- Căn cứ Quyết định số 1089/QĐ-ĐLTKV ngày 28/6/2022 của Tổng công ty Điện lực – TKV về việc ban hành Quy định quản lý Hợp đồng sản xuất kinh doanh trong Tổng công ty;

- Căn cứ Quyết định 106/QĐ-ĐLTKV ngày 24/02/2026 về việc ban hành Quy chế Quản lý công tác vật tư của Tổng công ty Điện lực TKV-CTCP;

- Căn cứ Văn bản số 914/ĐLTKV-KH ngày 8/06/2026 của Tổng công ty Điện Lực-TKV về việc giao thông qua các chỉ tiêu chủ yếu Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2026 cho Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV;

- Quyết định 2630/QĐ-ĐLTKV ngày 11/11/2024 của Tổng công ty Điện lực – TKV về việc ban hàng Quy định về mua sắm vật tư để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất và duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng vốn sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty điện lực TKV-CTCP;

- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV;

- Căn cứ Quyết định 2997/QĐ-NĐCP ngày 25/12/2024 của Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV về việc ban hành Quy định về mua sắm vật tư để đảm bảo tính liên tục cho hoạt động sản xuất kinh doanh và duy trì hoạt động thường xuyên sử dụng vốn sản xuất kinh doanh trong Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV;

- Quyết định số 3170/QĐ-NĐCP ngày 31/10/2025 của Công ty Nhiệt điện Cẩm phả về việc ban hành Quy trình quản lý, thực hiện công tác Vật tư trong Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV;

- Căn cứ Quyết định số 1479/QĐ-NĐCP ngày 05/5/2025 của Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV về việc kiện toàn nhân sự Tổ tư vấn.

Xét Tờ trình ngày 09/11/2026 của Tổ tư vấn về việc phê duyệt hồ sơ mời chào giá đơn hàng số 89/ĐH-NĐCP: Cung cấp các loại van phục vụ sửa chữa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Hồ sơ mời chào giá đơn hàng số 89/ĐH-NĐCP: Cung cấp các loại van phục vụ sửa chữa, chi tiết như hồ sơ mời chào giá đính kèm.

Điều 2. Căn cứ nội dung Hồ sơ mời chào giá đã được phê duyệt tại Điều 1, phòng Kế hoạch - Đầu tư - Vật tư phối hợp với các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện các bước tiếp theo về lựa chọn nhà cung cấp theo các quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Ông Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các phòng Kế hoạch-Đầu tư-Vật tư, Kế toán-Tài chính, Kỹ thuật-An toàn Công ty chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Lưu: VT, KHĐTVT, PTT(1).

GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 0104297034 - 008
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP
P. CỬA ÔNG - TP. QUẢNG NINH

Trần Văn Hoan

TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC - TKV
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ- TKV

HỒ SƠ MỜI CHÀO GIÁ

Tên đơn hàng: **Các loại van phục vụ sửa chữa**

Số hiệu đơn hàng: **89/ĐH-NĐCP**

Phát hành ngày: 16/11/2026

Ban hành kèm theo QĐ: 5145/QĐ-NĐCP ngày 16 /11/2026

BÊN MỜI CHÀO GIÁ
GIÁM ĐỐC

M.S.C.N: 0104297034 - 008
CÔNG TY NHIỆT ĐIỆN CẨM PHẢ - TKV - CHI NHÁNH TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC TKV - CTCP
P. CỬA ÔNG - TP. QUẢNG NINH

Trần Văn Hoan

GIẢI THÍCH TỪ NGỮ:

Từ/ cụm từ	Giải nghĩa
ĐLTKV	Tổng công ty Điện lực - TKV
Bên mời chào giá	Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV
HSMCG	Hồ sơ mời chào giá
HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSCG	Hồ sơ chào giá
HSĐX	Hồ sơ đề xuất
VND	Đồng Việt Nam
NCC	Nhà cung cấp tham gia chào giá

Chương I: Yêu cầu về Hồ sơ mời chào giá

Mục 1. Bên mời chào giá

- Bên mời chào giá: Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV.

- Bên mời chào giá mời các Nhà cung cấp tham gia chào giá cung cấp vật tư theo đơn hàng số 89/ĐH-NĐCP: "Các loại van phục vụ sửa chữa".

- Loại hợp đồng: Theo đơn giá cố định.

Mục 2. Các yêu cầu về vật tư

Phạm vi công việc, yêu cầu của đơn hàng nêu tại Chương II của Hồ sơ mời chào giá này.

Mục 3. Các yêu cầu về tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm của Nhà cung cấp

Nhà cung cấp phải nộp các giấy tờ sau:

1. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp (bản công chứng); Giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có).

2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của người ký đơn chào hàng (Giấy uỷ quyền, quyết định bổ nhiệm hoặc văn bản tương đương).

3. Tài liệu chứng minh năng lực kinh nghiệm:

Yêu cầu về hợp đồng tương tự: Nhà cung cấp đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ mời chào giá này.

Trong đó hợp đồng tương tự là:

- Có tính chất tương tự: là hợp đồng cung cấp vật tư là van cho các nhà máy nhiệt điện hoặc công trình công nghiệp .

- Có quy mô (giá trị) tối thiểu: **529.000.000 đồng** ***(Năm trăm hai mươi chín triệu đồng).***

Nhà cung cấp cung cấp các tài liệu chứng minh gồm (bản gốc hoặc bản sao được chứng thực): Hợp đồng; Biên bản nghiệm thu/ Biên bản kiểm nghiệm hàng hóa; Biên bản thanh lý; Hóa đơn GTGT; trường hợp hợp đồng chưa thực hiện xong phải kèm theo xác nhận của đơn vị sử dụng/Chủ đầu tư.

- Bên mời chào giá có thể chấp nhận Nhà cung cấp là đơn vị một độc lập hoặc liên danh giữa các Nhà cung cấp với điều kiện đảm bảo các yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá.

Mục 4. Các yêu cầu về thương mại:

1. Giá, thuế, phí, lệ phí:

a. Giá chào:

Giá chào là giá do Nhà cung cấp ghi trong đơn chào hàng, bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện đơn hàng tại địa điểm giao hàng theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá, bao gồm cả thuế, phí, lệ phí và chi phí liên quan khác. Trường hợp Nhà cung cấp chào giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì Hồ sơ chào giá của Nhà cung cấp sẽ bị loại.

b. Trường hợp Nhà cung cấp có đề xuất giảm giá thì có thể theo hình thức thư giảm giá riêng hoặc ghi trực tiếp vào đơn chào hàng và bảo đảm Bên mời chào giá nhận được trước thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá. Trong đề xuất giảm giá, Nhà cung cấp cần nêu rõ nội dung và cách thức giảm giá vào các hạng mục cụ thể nêu trong phạm vi công việc. Trường hợp không nêu rõ cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả hạng mục. Thư giảm giá gửi sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá sẽ không được chấp nhận.

c. Nhà cung cấp chào giá cho toàn bộ hàng hóa theo thư mời.

2. Địa điểm và thời gian giao hàng:

a. Địa điểm giao hàng là: kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, P. Cửa Ông, TP. Quảng Ninh, Việt Nam (Nhà cung cấp chịu trách nhiệm nâng hạ hàng, chi phí nâng – hạ tại nơi giao hàng).

b. Thời gian giao hàng (Tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực): **theo Bảng kê chi tiết tại Chương II** .

- NCC thực hiện bàn giao hàng hóa vào giờ hành chính các ngày thứ 2, thứ 5 trong tuần.

Xử lý tình huống:

- Trong trường hợp Bên B có sẵn hàng hóa và Bên A có nhu cầu sử dụng, Bên B sẽ thực hiện bàn giao hàng hóa theo nhu cầu bằng văn bản của bên A thông qua gửi trực tiếp/Fax/Email.

- Trong trường hợp Bên B giao hàng vào ngày cuối cùng của thời gian thực hiện hợp đồng, không phải là thứ 2 hoặc thứ 5 thì Bên B thực hiện bàn giao hàng hóa vào ngày thứ 2/thứ 5 kế tiếp (ngày gần nhất với ngày hết hạn thực hiện hợp đồng) hoặc vào các ngày kế tiếp theo nhu cầu của Bên A và không tính là vi phạm thời gian thực hiện hợp đồng.

3. Thanh toán:

Thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng 100% giá trị hợp đồng sau thuế trong vòng 60 ngày sau khi bên B đã bàn giao đầy đủ hàng hóa, đạt yêu cầu kỹ thuật và có đủ chứng từ thanh toán cho bên A.

4. Bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng:

- Nhà cung cấp phải cam kết bảo hành hàng hóa trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày giao hàng.

- Hình thức bảo hành: Cấp cam kết bảo hành (*Trong trường hợp giá trị đơn hàng trúng ≤ 100.000.000 đồng)*/Bảo lãnh bảo hành hoặc Nộp tiền mặt *(Trong trường hợp giá trị đơn hàng trúng > 100.000.000 đồng)*

5. Nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ:

Hàng hóa sản xuất năm 2025 trở lại đây, phải mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật. Hàng hóa, vật tư cung cấp phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, có tem và giấy chứng nhận kiểm định được cấp phép bởi cơ quan có thẩm quyền (các mục van an toàn) và giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng:

+ Nếu là hàng hóa nhập khẩu: Cam kết cung cấp đầy đủ Giấy chứng nhận xuất xứ (CO), Giấy chứng nhận chất lượng (CQ)

+ Nếu là hàng hoá xuất xứ Việt Nam: cấp CQ.

- Ghi chú:

CO (CO thương mại): Giấy Chứng nhận xuất xứ do đơn vị có thẩm quyền của nước xuất khẩu cấp, trên CO, thể hiện đơn vị nhập khẩu là Doanh nghiệp/ Hộ kinh doanh...hợp pháp tại Việt Nam; CQ: Giấy chứng nhận chất lượng hoặc các văn bản có giá trị tương đương của Nhà sản xuất. Yêu cầu cấp bản công chứng. (Nếu số lượng và mục hàng trên CO, CQ trùng với số lượng của Hợp đồng thì phải cung cấp bản gốc). Trong trường hợp CO, CQ được viết bằng ngôn ngữ khác (không phải là tiếng Việt), Nhà cung cấp phải cấp kèm theo Bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật có thẩm quyền.

Trường hợp trên CO không thể hiện rõ tên hàng hoá cung cấp, NCC phải cấp bổ sung các chứng từ liên quan để làm rõ tên hàng hoá cung cấp: Tờ khai hải quan, invoice xoá giá .... đóng dấu sao y của đơn vị nhập khẩu.

Mục 5. Chi phí, đồng tiền và ngôn ngữ trong chào giá

1. Nhà cung cấp phải chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham dự chào giá.

2. Đồng tiền tham dự chào giá và đồng tiền thanh toán là VNĐ.

3. Hồ sơ chào giá cũng như tất cả các văn bản và các tài liệu liên quan đến Hồ sơ chào giá được trao đổi giữa Bên mời chào giá và Nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt. Các tài liệu và tư liệu bổ trợ trong Hồ sơ chào giá có thể được viết bằng ngôn ngữ khác, đồng thời kèm theo bản dịch sang tiếng Việt có xác nhận đóng dấu của cơ quan dịch thuật. Trường hợp thiếu bản dịch, nếu cần thiết, Bên mời chào giá có thể yêu cầu Nhà cung cấp gửi bổ sung. Nếu Nhà cung cấp không cung cấp bổ sung các tài liệu theo yêu cầu, Bên mời chào giá sẽ đánh giá Hồ sơ chào giá "Không đạt".

Mục 6. Nội dung Hồ sơ chào giá

Nhà cung cấp phải chuẩn bị 01 bản gốc Hồ sơ chào giá bao gồm các nội dung sau:

1. Đơn chào hàng theo Mẫu số 01, Biểu giá chào hàng theo Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu.

Nhà cung cấp phải nộp Hồ sơ chào giá có đơn chào hàng và biểu giá theo Mẫu số 01, Mẫu số 02 Chương III - Biểu mẫu, các ô để trống phải điền đầy đủ thông tin theo yêu cầu.

Trường hợp tại cột "đơn giá " và cột "thành tiền" của một mục mà Nhà cung cấp không ghi giá trị hoặc ghi là "0" thì được coi là Nhà cung cấp đã phân bổ giá của mục này vào các mục khác thuộc đơn hàng, Nhà cung cấp phải có trách nhiệm thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu nêu trong Hồ sơ mời chào giá với đúng giá đã chào.

2. Bảo đảm tham gia chào giá theo hình thức thư bảo lãnh do ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt đồng tại Việt Nam phát hành cho bên thụ hưởng là Bên mời chào giá, bao gồm đầy đủ các nội dung cơ bản của bảo lãnh tham gia chào giá.

- Giá trị bảo đảm tham gia chào giá: Không thấp hơn **30.000.000 VNĐ** *(Bằng chữ: Ba mươi triệu đồng).*

Ghi chú: Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Thông báo kết quả và mời ký hợp đồng sẽ không được hoàn trả bảo đảm tham gia chào giá trừ trường hợp bất khả kháng.

- Thời gian có hiệu lực của Bảo đảm tham gia chào giá là 210 ngày kể từ ngày hết hạn nhận hồ sơ chào giá.

3. Các tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân, năng lực, kinh nghiệm của Nhà cung cấp theo quy định tại Mục 3 của Hồ sơ mời chào giá này.

4. Bảng kê các điều kiện thương mại: giao hàng, thanh toán, bảo hành, hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng (nếu có), v.v… theo Mẫu số 03, Chương III-Biểu mẫu.

5. Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hoá phù hợp với yêu cầu về phạm vi cung cấp nêu tại Chương II - Phạm vi, yêu cầu của đơn hàng, bao gồm cả các tài liệu chứng minh về nguồn gốc, xuất xứ theo Mẫu số 04, Chương III-Biểu mẫu.

6. Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hoá an toàn đến nơi giao nhận, phù hợp với yêu cầu về tiến độ cung cấp.

7. Bản cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05, Chương III-Biểu mẫu.

Mục 7. Thời hạn hiệu lực của Hồ sơ chào giá

Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá tối thiểu là 180 ngày, kể từ ngày có thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá.

Mục 8. Nộp, tiếp nhận, mở Hồ sơ chào giá

1. Hồ sơ chào giá được gửi trong phong bì kín, ghi đầy đủ tên, địa chỉ, số điện thoại của cá nhân/nhà cung cấp gửi, có niêm phong ghi rõ nội dung: **Hồ sơ chào giá theo văn bản số ...../QĐ-NĐCP ngày …../11/2026** và gửi thư chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp về địa chỉ như sau *(Bên mời chào giá chỉ tiếp nhận những hồ sơ chào giá đảm bảo nội dung này)*:

Địa chỉ nhận hồ sơ chào giá:

+ Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả-TKV.

+ Địa chỉ: Tổ 4, khu 4A, P. Cửa Ông, TP. Quảng Ninh, Việt Nam

+ Điện thoại: 02033 734 900

(Ghi chú: Nộp tại phòng Văn thư)

- Mọi thắc mắc xin liên hệ cán bộ phụ trách: Phạm Thị Tuyết, phòng Kế hoạch-Đầu tư - Vật tư; điện thoại: 0936825989.

- Thời gian nhận bản chào giá chậm nhất vào **08 giờ 00 ngày ……/11/2026.**

- Các Hồ sơ chào giá được gửi đến Bên mời chào giá sau thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ chào giá sẽ không được xem xét.

2. Các Hồ sơ chào giá sẽ được mở đồng thời một cách công khai tại trụ sở Công ty Nhiệt điện Cẩm Phả - TKV vào hồi **10 giờ 00 ngày ……/11/2026**.

Bên mời chào giá mời các Nhà cung cấp đã nộp Hồ sơ chào giá chứng kiến và xác nhận việc mở các Hồ sơ chào giá, tuy nhiên trong mọi trường hợp việc mở Hồ sơ chào giá vẫn được tiến hành vào thời gian đã được quy định trong Thư mời chào giá mà không phụ thuộc vào việc có mặt hay không của các Nhà cung cấp này.

3. Các thông tin về nội dung chủ yếu của Hồ sơ chào giá của các Nhà cung cấp bao gồm tối thiểu các nội dung: tên Nhà cung cấp, giá chào, thời gian có hiệu lực của Hồ sơ chào giá … sẽ được lập thành một biên bản chung để làm cơ sở đánh giá lựa chọn Nhà cung cấp.

4. Bên mời chào giá chịu trách nhiệm bảo mật các thông tin trong các Hồ sơ cho đến khi công bố kết quả lựa chọn Nhà cung cấp.

5. Các bản chào giá không thực hiện như đúng hình thức yêu cầu trong hồ sơ này bên mời cung cấp có quyền không tiếp nhận, không mở hồ sơ và trả về nhà cung cấp nếu phong bì thư có ghi rõ địa chỉ nhà cung cấp.

Mục 9. Làm rõ Hồ sơ chào giá

1. Sau khi mở Hồ sơ chào giá, Nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ Hồ sơ chào giá theo yêu cầu của Bên mời chào giá (nếu có). Trường hợp Hồ sơ chào giá của Nhà cung cấp thiếu tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm thì Bên mời chào giá yêu cầu Nhà cung cấp làm rõ, bổ sung tài liệu để chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện. Đối với các nội dung đề xuất về kỹ thuật, tài chính nêu trong Hồ sơ chào giá của Nhà cung cấp, việc làm rõ phải bảo đảm nguyên tắc không làm thay đổi bản chất của Nhà cung cấp tham gia chào giá, không làm thay đổi nội dung cơ bản của Hồ sơ chào giá đã nộp, không thay đổi giá chào.

2. Việc làm rõ Hồ sơ chào giá giữa Nhà cung cấp và Bên mời chào giá được thực hiện thông qua văn bản.

3. Trong thời gian 03 ngày kể từ ngày mở Hồ sơ chào giá, trường hợp Nhà cung cấp phát hiện Hồ sơ chào giá của mình thiếu các tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện thì Nhà cung cấp được phép gửi tài liệu đến Bên mời chào giá để làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện của mình. Bên mời chào giá có trách nhiệm tiếp nhận những tài liệu làm rõ của Nhà cung cấp để xem xét, đánh giá Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực kinh nghiệm được coi như một phần của Hồ sơ chào giá.

4. Việc làm rõ Hồ sơ chào giá chỉ được thực hiện giữa Bên mời chào giá và Nhà cung cấp có Hồ sơ chào giá cần phải làm rõ. Các tài liệu làm rõ về tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện được coi là một phần của Hồ sơ chào giá và được Bên mời chào giá bảo quản như Hồ sơ chào giá.

Đối với các nội dung làm rõ ảnh hưởng trực tiếp đến việc đánh giá tư cách hợp lệ, năng lực thực hiện và yêu cầu về kỹ thuật, tài chính nếu quá thời hạn làm rõ mà Nhà cung cấp không làm rõ được hoặc có văn bản làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của Bên mời chào giá thì Bên mời chào giá sẽ đánh giá Hồ sơ chào giá của Nhà cung cấp theo Hồ sơ chào giá đã nộp hợp lệ trước đó.

Mục 10. Đánh giá Hồ sơ chào giá

Việc đánh giá Hồ sơ chào giá được thực hiện theo các quy định dưới đây:

1. Đánh giá tính hợp lệ của HSCG: Hồ sơ chào giá được đánh giá là hợp lệ khi bao gồm đầy đủ các nội dung theo yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá (theo khoản 1, khoản 2 mục 3, mục 7 chương I)

Bao gồm nhưng không giới hạn các tiêu chí:

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/ Giấy chứng nhận đăng ký DN, Giấy phép kinh doanh có điều kiện đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có)

- Thư chào hàng và biểu giá chào hàng (do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký); Chào giá toàn bộ đơn hàng

- Hiệu lực của Bản chào giá

- Bảo đảm tham gia chào giá

2. Đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Đánh giá theo tiêu chí đạt/ không đạt để đánh giá về năng lực và kinh nghiệm của Nhà cung cấp trên cơ sở các tiêu chí yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm được nêu tại Hồ sơ mời chào giá (theo khoản 3 mục 3 chương I).

- Hợp đồng tương tự

- Thời gian giao hàng

- Địa điểm giao hàng

- Năm sản xuất hàng hóa

- Chứng từ thanh toán: Tem và giấy chứng nhận kiểm định được cấp phép bởi cơ quan có thẩm quyền (các mục van an toàn); Các chứng từ chứng minh nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng hoá

3. Đánh giá về kỹ thuật:

Sử dụng tiêu chí đạt/ không đạt làm cơ sở để đánh giá về mặt kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất (*Tên vật tư, quy cách và tính hợp lệ của hàng hóa tương đương*).

- Nhà thầu có thể chào giá theo mã vật tư yêu cầu hoặc hàng tương đương về đặc tính, thông số kỹ thuật. Trường hợp nhà thầu đề xuất hàng tương đương thì nhà thầu phải cung cấp các tài liệu sau (được trình bày bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh):

*+ Văn bản của nhà sản xuất **(Có đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất)** khẳng định và cam kết hàng hóa do nhà thầu đề xuất tương đương về đặc tính, thông số kỹ thuật);*

+ Bảng so sánh thông số kỹ thuật của hàng hóa tương đương:

Bảng so sánh chỉ rõ/đánh dấu/trích xuất thông số kỹ thuật từ tài liệu, chỉ rõ thông số nằm ở trang nào, mục nào.

Bảng 1: Bảng so sánh hàng hóa tương đương

STT	Theo HSMT		Theo HSDT		Phân tích, đánh giá tính tương đương (tính lắp đặt, vật liệu…)	Tài liệu chứng minh (số hiệu, số trang, tên tài liệu cụ thể trong HSDT…)
	Danh mục hàng hóa	Mô tả hàng hóa	Danh mục hàng hóa	Mô tả hàng hóa		
1	Vật tư A	- Thông số thứ 1: … - Thông số thứ 2: …	Vật tư B	- Thông số thứ 1: … - Thông số thứ 2: …	- Thông số thứ 1 hàng hóa tương đương là phù hợp do… - Thông số thứ 2…	- Thông số thứ 1 căn cứ theo tài liệu … (tên file trong HSDT, cụ thể số trang, đầu mục). - Thông số thứ 2…
2	…					

*+ Catalogue/tài liệu kỹ thuật hoặc các tài liệu tương đương khác (**có đóng dấu xác nhận của nhà sản xuất**) của hàng hóa do nhà thầu đề xuất, Catalogue/tài liệu kỹ thuật phải có đầy đủ thông tin về đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa;*

+ Có cam kết hàng hóa do nhà thầu chào đảm bảo tính tương thích, đồng bộ và đảm bảo tính lắp lẫn vào hệ thống/thiết bị của chủ đầu tư đang sử dụng, không gây ảnh hưởng phụ tới công suất, hiệu quả, tuổi thọ thiết bị của chủ đầu tư (không gián tiếp là nguyên nhân phát sinh làm hư hỏng các bộ phận khác trong hệ thống thiết bị). Nhà thầu cam kết chịu toàn bộ chi phí bồi thường các thiệt hại gây ra do sự không tương thích hoặc do lỗi vật tư, thiết bị nhà thầu cung cấp gây ra cho các thiết bị

(Trường hợp cần làm rõ các tài liệu và tư liệu kỹ thuật bổ trợ, chủ đầu tư sẽ yêu cầu nhà thầu cung cấp bổ sung các tài liệu trên. Nếu Nhà thầu không cung cấp bổ sung được theo yêu cầu của bên mời chào giá hoặc cung cấp các tài liệu không được viết bằng tiếng Việt/tiếng Anh mà không gửi kèm dịch thuật sang tiếng Việt/tiếng Anh thì hàng hóa tương đương do nhà thầu đề xuất được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về đặc tính, thông số kỹ thuật)

- Tiến độ cung cấp hàng hóa: Nhà cung cấp phải đáp ứng đúng/hoặc sớm hơn tiến độ HSMCG yêu cầu.

- Bảo hành: Nhà cung cấp phải đáp ứng đúng/hoặc dài hơn thời gian bảo hành mà HSMCG yêu cầu.

- Cam kết đáp ứng các điều kiện chính của hợp đồng nêu tại Mẫu số 05 Chương III – Biểu mẫu.

4. Đánh giá về giá:

- Tiêu chí đánh giá về giá được áp dụng theo đơn giá thấp nhất của từng mục hàng hóa.

- Cách xác định đơn giá đánh giá thấp nhất theo các bước sau:

+ Bước 1: Xác định đơn giá chào đối với từng hạng mục hàng hoá nêu tại Chương II (đã bao gồm sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, nếu có).

+ Bước 2: Xác định giá đánh giá trên cơ sở quy về một mặt bằng, có tính đến các điều kiện về giao hàng, thanh toán, v.v….

+ Bước 3: Xếp hạng các hồ sơ chào giá theo đơn giá.

So sánh đơn giá đánh giá giữa các Hồ sơ chào giá, Hồ sơ chào giá có đơn giá đánh giá thấp nhất được xếp thứ nhất. Đối với đơn hàng có nhiều hạng mục thì việc đánh giá sẽ theo nguyên tắc so sánh từng hạng mục giống nhau hoặc tương đương để xếp hạng các Hồ sơ chào giá.

Mục 11. Quyết định lựa chọn Nhà cung cấp

Nhà cung cấp được xem xét, quyết định lựa chọn cung cấp vật tư khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có Hồ sơ chào giá đáp ứng tất cả các yêu cầu trong Hồ sơ mời chào giá;

2. Được xem xét đề nghị cung cấp hàng hoá theo xếp hạng các Hồ sơ chào giá từ thứ nhất đến các thứ hạng tiếp theo.

Để đảm bảo đủ nguồn vật tư, kịp thời phục vụ sản xuất, Bên mời chào giá có quyền lựa chọn nhiều hơn 01 Nhà cung cấp và Bên mua có quyền mua một, một số hoặc tất cả các chủng loại vật tư thuộc đơn hàng trên.

Mục 12. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có)

Trước khi hợp đồng có hiệu lực, nhà cung cấp được lựa chọn phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có) như sau:

- Giá trị của Bảo đảm thực hiện hợp đồng *(Trong trường hợp giá trị đơn hàng trúng ≥ 100.000.000 đồng): 10% tổng giá trị hợp đồng* (Giá trị hợp đồng sau thuế).

- Hình thức Bảo đảm thực hiện hợp đồng: nộp tiền mặt/ chuyển khoản/thư bảo lãnh do ngân hàng, tổ chức tài chính hoạt động tại Việt Nam phát hành cho bên thụ hưởng là Bên mời chào giá.

- Hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng: có hiệu lực kể từ khi phát hành đến hết 60 ngày sau ngày dự kiến hoàn thành nghĩa vụ giao hàng theo hợp đồng.

Mục 13. Hợp đồng

Nhà cung cấp được duyệt sẽ ký kết và thực hiện hợp đồng với Bên mời chào giá với các nội dung hợp đồng bao gồm nhưng không giới hạn bởi các điều kiện chính theo mẫu số 05 Chương III.

Chương II. PHẠM VI, YÊU CẦU CỦA ĐƠN HÀNG

Nhà cung cấp phải chào hàng hàng hóa theo nội dung yêu cầu dưới đây:

1. Phạm vi cung cấp hàng hoá, yêu cầu kỹ thuật:

- Tên đơn hàng: Các loại van phục vụ sửa chữa
- Số hiệu đơn hàng: 89/ĐH-NĐCP
- Chi tiết xem bảng dưới.

Lưu ý:

- Trong quá trình chuẩn bị báo giá, nhà cung cấp phải khảo sát kỹ thông số kỹ thuật, tình trạng thiết bị của đơn hàng nhằm đảm bảo tính tương thích về môi trường, điều kiện vận hành, chất lượng hàng hóa phù hợp nhu cầu, đảm bảo hiệu quả sử dụng tại nhà máy

- Thời gian giao hàng (Tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực): Nhà cung cấp phải đáp ứng đúng/hoặc sớm hơn tiến độ HSMCG yêu cầu.

TT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Tiến độ cung cấp hàng hoá	Xuất xứ	Ghi chú
1.	Van an toàn	Mã hiệu: A41H-16P; Van kiểu lò xo kết nối mặt bích; Đường kính miệng vào DN15, đường kính miệng thoát DN20; Áp suất thiết kế tối đa 1,6Mpa; Nhiệt độ làm việc <200 độ C; Chất liệu van: inox 304; Môi chất: hoá chất ăn mòn, hơi nóng, khí nén	Cái	2	60 ngày	YOY	Nhà thầu có thể chào giá theo mã vật tư yêu cầu hoặc hàng tương đương về đặc tính, thông số kỹ thuật đảm bảo yêu cầu quy định tại tiểu mục 3 Đánh giá về kỹ thuật, Mục 10, Chương I
2.	Van an toàn	Mã hiệu: A41H-64P; Van kiểu lò xo kết nối mặt bích; Đường kính miệng vào DN15, đường kính miệng thoát DN20; Áp suất thiết kế tối đa 6,4Mpa; Nhiệt độ làm việc <200 độ C; Chất liệu van: inox 304; Môi chất: hoá chất ăn mòn, hơi nóng, khí nén	Cái	1	60 ngày	YOY	

TT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Tiến độ cung cấp hàng hoá	Xuất xứ	Ghi chú
3.	Van an toàn	Mã hiệu: A41Y-16P; Van kiểu lò xo kết nối mặt bích; Đường kính miệng vào DN15, đường kính miệng thoát DN20; Áp suất thiết kế tối đa 1,6Mpa; Nhiệt độ làm việc <200 độ C; Chất liệu van: inox 304 bề mặt làm kín hợp kim cứng; Môi chất: hoá chất ăn mòn, hơi nóng, khí nén	Cái	1	60 ngày	YOY	Nhà thầu có thể chào giá theo mã vật tư yêu cầu hoặc hàng tương đương về đặc tính, thông số kỹ thuật đảm bảo yêu cầu quy định tại tiểu mục 3 Đánh giá về kỹ thuật, Mục 10, Chương I
4.	Van an toàn	Mã hiệu: A41Y-64P; Van kiểu lò xo kết nối mặt bích; Đường kính miệng vào DN15, đường kính miệng thoát DN20; Áp suất thiết kế tối đa 6,4Mpa; Nhiệt độ làm việc <200 độ C; Chất liệu van: inox 304 bề mặt làm kín hợp kim cứng; Môi chất: hoá chất ăn mòn, hơi nóng, khí nén	Cái	3	60 ngày	YOY	
5.	Van cách ly	JF61- PDQ- 250/6, kết nối dạng hàn, kích thước DN6	Cái	1	45 ngày	Shuangda	
6.	Van cách ly áp suất cao	316NB-GM6: HS-6NPW12-G; 480Bar 38°C; 212Bar 650°C, DN10, dạng van hàn	Cái	21	45 ngày	Koheel	

TT	Danh mục hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn	ĐVT	Số lượng	Tiến độ cung cấp hàng hoá	Xuất xứ	Ghi chú
7.	Van khí nén	Van khí nén dạng on/off model: V1PASTD03BW-2 size 2", A182, F22, Ansi Class 3500#, kết nối hàn đường ống Ø60x11mm 17,5Mpa 546 độ. Phần đk: Thiết bị truyền động khí nén, quay tay, Model GPXS-200Y-S5RB, Air Supply 0,4-0,7Mpa. Cơ cấu hành trình đóng mở: I-tork controls, model IST 304, Switches 2xDPDT, PATINGS 10A 1/4 HP, 250 VAC, 1/2A 125VDC, ENC IP 67, Temp 50-70 độ ENCLOSURE Ex d II CT6 phòng nổ	Cái	2	84 ngày	Volk	Nhà thầu có thể chào giá theo mã vật tư yêu cầu hoặc hàng tương đương về đặc tính, thông số kỹ thuật đảm bảo yêu cầu quy định tại tiểu mục 3 Đánh giá về kỹ thuật, Mục 10, Chương I
8.	Van tay	G41J-10; DN50; L=205mm; ĐK tâm lỗ: 125mm; ĐK lỗ 18/4 lỗ cách đều	Cái	1	45 ngày	Shuangda	
9.	Van tay	J61Y-PW55, DN15, T<555 độ, PN 32 Mpa	Cái	5	45 ngày	FUHUI	
10.	Van tay cầu chặn	Van tay cầu J61Y-320V, DN50, PN32 Mpa, Kiểu hàn, Body F22+STL, 12Cr1MoV+STL. Áp lực làm việc 32Mpa, nhiệt độ làm việc ≤593 độ C	Cái	1	45 ngày	Shangxian	
11.	Van tay gạt	ball valve class 1500, 3/4 inch, van kết nối kiểu hàn, vật liệu làm kín Viton, vật liệu thân van SUS304, hãng van babcok	Cái	11	150 ngày	Babcock	

Chương III. BIỂU MẪU

Mẫu số 01

ĐƠN CHÀO HÀNG

Ngày: _____*[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]*

Tên đơn hàng: _____ *[Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]*

Số hiệu đơn hàng: _____ *[Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]*

Kính gửi: *[Điền tên đầy đủ của Bên mời chào giá]*

Sau khi nghiên cứu Hồ sơ mời chào giá số hiệu.....mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ *[Ghi tên Nhà cung cấp],* cam kết thực hiện đơn hàng ____ *[Ghi tên và số hiệu đơn hàng]* theo đúng yêu cầu của Hồ sơ mời chào giá với tổng số tiền là ____ *[Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]* cùng với Bảng giá chào và các điều kiện thương mại kèm theo. Thời gian thực hiện hợp đồng là ____ *[Ghi thời gian thực hiện tất cả các công việc theo yêu cầu của đơn hàng].*

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một Hồ sơ chào giá này.

2. Không đang trong quá trình giải thể, không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.

Nếu Hồ sơ chào giá của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của Hồ sơ mời chào giá.

Hồ sơ chào giá này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày, kể từ ngày ____ *[Ghi ngày, tháng, năm có thời điểm đóng thầu].*

Đại diện hợp pháp của Nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 02

BẢNG GIÁ CHÀO CỦA HÀNG HÓA

Ngày: ..... *(Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng)*
Tên đơn hàng: ..... *(Ghi tên đơn hàng theo Thư mời chào giá)*
Số hiệu đơn hàng: ..... *(Ghi số hiệu đơn hàng theo Thư mời chào giá)*

Số TT (Theo thư mời)	**Tên vật tư, hàng hóa**	**Quý cách – Thông số kỹ thuật**		**Đơn vị tính**	**Số lượng**	**Đơn giá (VNĐ)**	**Thành tiền trước thuế (VNĐ)**	**Thuế GTGT (VNĐ)**		**Thành tiền sau thuế (VNĐ)**
		Theo thư mời	**Chào giá**					**8%**	**10%**	
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*	*(10)*	*(11)*
1	Hàng hóa thứ nhất.	....	....	....	....	....	....	....	....	....
2	Hàng hóa thứ nhất.	....	....	....	....	....	....	....	....	....
n	Hàng hóa thứ n	....	....	....	....	....	....	....	....	....
		Tổng giá trị					....	....	....	....

(Ghi chú: ở cột số (11); (12): Nhà cung cấp ghi giá trị thuế GTGT ở cột áp dụng thuế suất tương ứng với hàng hóa)

Mẫu số 03

CÁC ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI

Ngày: _____*[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]*

Tên đơn hàng: _____ *[Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]*

Số hiệu đơn hàng: _____ *[Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]*

1. Giao hàng:

a) Thời gian giao hàng: .....

b) Địa điểm giao hàng: kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, P.Cửa Ông, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

c) Phương án cung cấp, vận chuyển hàng hóa:.....

2. Thanh toán:

3. Hàng hóa

- Chất lượng: Hàng hóa phải mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng quy cách, ký mã hiệu, đáp ứng đúng yêu cầu kỹ thuật.
- Hàng hóa được sản xuất năm ..... *(trở lại đây)*
- Các giấy tờ chứng minh nguồn gốc, xuất xứ và chất lượng sản phẩm khi giao hàng: ..... *(Nhà cung cấp ghi rõ tên các loại giấy tờ).*

4. Bảo hành:.....

5. Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàn (nếu có):

Mẫu số 04

BẢN KÊ CHI TIẾT DANH MỤC HÀNG HÓA

Ngày: _____*[Điền ngày, tháng, năm ký đơn chào hàng]*

Tên đơn hàng: _____ *[Ghi tên đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]*

Số hiệu đơn hàng: _____ *[Ghi số hiệu đơn hàng theo Hồ sơ mời chào giá]*

Bảng liệt kê chi tiết danh mục hàng hoá cần thể hiện rõ các đặc tính, thông số kỹ thuật, chất lượng, nhà sản xuất, nguồn gốc, xuất xứ, v.v… của vật tư được chào giá

Số TT (Theo thư mời)	**Danh mục hàng hóa (Tên hàng hóa)**	**Ký mã hiệu, nhãn mác sản phẩm**	**Đặc tính, thông số kỹ thuật**	**Đơn vị tính**	**Số lượng**	**Nhà sản xuất**	**Xuất xứ từ (quốc gia hoặc vùng lãnh thổ...)**
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*
1	Hàng hóa thứ nhất.	....	....	....	....	....	....
2	Hàng hóa thứ nhất.	....	....	....	....	....	....
	....						
n	Hàng hóa thứ n	....	....	....	....	....	....

Mẫu số 05

CÁC ĐIỀU KIỆN CHÍNH CỦA HỢP ĐỒNG

I. Đối tượng của hợp đồng

1. Tên hàng và khối lượng: .....

2. Nhà sản xuất :.....

3. Xuất xứ : .....

4. Tiêu chuẩn chất lượng: mới 100%, sản xuất năm 2024 trở lại đây, tại .....

5. Thông số kỹ thuật của hàng hoá: (*Như Bảng kê chi tiết danh mục hàng hóa)*

II. Hình thức hợp đồng

Hợp đồng theo đơn giá cố định.

III. Giá cả và phương thức thanh toán

1. Đơn giá và giá trị hợp đồng:

2. Phương thức thanh toán: Thanh toán bằng chuyển khoản qua Ngân hàng 100% giá trị hợp đồng sau thuế trong vòng 60 ngày sau khi bên B đã bàn giao đầy đủ hàng hóa, đạt yêu cầu kỹ thuật và có đủ chứng từ thanh toán cho bên A

3. Bộ chứng từ thanh toán:

- 01 bản gốc Văn bản đề nghị thanh toán của bên Bán;
- Hoá đơn GTGT.
- 01 bản gốc Biên bản giao nhận hàng hoá có xác nhận của đại diện giao nhận hàng của bên Mua.
- Tem và giấy chứng nhận kiểm định được cấp phép bởi cơ quan có thẩm quyền (các mục van an toàn) .
- Các giấy tờ chứng minh nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng hóa: CO, CQ, Cam kết nguồn gốc xuất xứ và chất lượng hàng hóa.....(Theo quy định của Hồ sơ mời chào giá).
- Biên bản kiểm nghiệm vật tư.
- Bản thanh lý hợp đồng.

IV. Giao hàng

1. Địa điểm giao nhận: Giao hàng tại Kho vật tư của Công ty tại Tổ 4, khu 4A, P. Cửa Ông, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

2. Thời gian thực hiện hợp đồng:

Thời gian giao hàng: .....

3. Xác định khối lượng giao nhận:

- Phương pháp:
- Địa điểm xác định khối lượng:
- Biên bản xác định khối lượng

4. Xác định chất lượng:

- Phương pháp:
- Địa điểm xác định chất lượng:
- Biên bản xác định chất lượng/ Chứng thư chất lượng.....

V. Bảo đảm thực hiện hợp đồng (nếu có):

- Giá trị, hình thức và thời hạn bảo đảm thực hiện hợp đồng: (Theo quy định của Hồ sơ mời chào giá)

VI. Bảo hành (nếu có):

1. Thời hạn bảo hành: 12 tháng kể từ ngày các bên ký biên bản kiểm nghiệm vật tư.
2. Hình thức bảo hành: Cấp bảo lãnh bảo hành có hiệu lực 12 tháng kể từ ngày 2 bên ký biên bản kiểm nghiệm vật tư (Hoặc theo quy định cụ thể của Hợp đồng).

   - Giá trị bảo lãnh bảo hành: 10% giá trị hợp đồng sau thuế (nếu có).
3. Hình thức xử lý các tình huống theo điều kiện bảo hành:

V. Hỗ trợ kỹ thuật, dịch vụ sau bán hàng (nếu có)